

NGHIÊN CỨU TÍN NGƯỠNG CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO TRONG 30 NĂM QUA (1991-2021)

Tóm tắt: Trong một nỗ lực không ngừng, giới nghiên cứu văn hóa nói chung, nghiên cứu tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng đã đạt được nhiều thành tựu và để lại những dấu ấn không phủ nhận cả trên phương diện lý luận cũng như những nghiên cứu cụ thể, thậm chí cả về phương diện tư liệu. Trong hành trình chung ấy, nghiên cứu tín ngưỡng của Viện Nghiên cứu Tôn giáo trong 30 năm qua cũng đạt được một số thành tựu cụ thể. Bài viết tổng kết về những thành tựu trên phương diện nghiên cứu tín ngưỡng của Viện Nghiên cứu Tôn giáo kể từ khi thành lập đến nay (1991-2021).

Từ khóa: Thành tựu; tín ngưỡng; Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Về phương diện lý luận

Ngay từ những thể hệ đầu tiên của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, các nghiên cứu lý luận đã được đề cập đến như một định hướng. Đặng Nghiêm Vạn trong các sách *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*¹; *Về Tôn giáo* đã cho rằng *tín ngưỡng* là niềm tin tôn giáo, là thành tố quan trọng cấu thành lên tôn giáo². Nền tảng để hình thành quan điểm này là quan niệm coi tổ chức tôn giáo như một thiết chế chặt chẽ từ trung ương đến địa phương theo kiểu giáo hội (Phật giáo, hoặc Công giáo) mà ông đã quy tín ngưỡng như là một thành phần của tôn giáo và tồn tại với tư cách độc lập. Trong bối cảnh còn hạn chế về thông tin học thuật, ông cũng đã cố gắng khái quát hóa các quan điểm về tôn giáo và coi nghiên cứu tôn giáo như một ngành khoa học độc lập. Có thể nói, đây là một bước tiến trong việc đặt nền móng cho một

* TS., Trưởng phòng Nghiên cứu Tín ngưỡng, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 13/8/2021; Ngày biên tập: 30/8/2021; Duyệt đăng: 15/9/2021.

ngành khoa học riêng biệt. Trong khi gần như hầu hết nhận thức chung về loại hình tín ngưỡng ở Việt Nam như một cấp độ thấp, một dạng tiền tôn giáo thì ông đã đặt vấn đề về “đạo tổ tiên” hay còn gọi đạo thờ ông bà như một loại hình riêng của Việt Nam. Tất nhiên khái niệm “Đạo” ở đây được hiểu như một dạng của phương thức ứng xử nặng về luân lý hơn là tôn giáo.

Nguyễn Duy Hình trong các nghiên cứu về *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*³, *Thần và quỷ*⁴, *Phàm và thiêng*, *Một số vấn đề về tôn giáo học*⁵, với những chứng lý về sự hình thành các khái niệm ma, thần, quỷ, các luận đề về “thiên – phàm”, dẫn chứng qua quá trình hình thành, lan tỏa của hiện tượng lên đồng ở Bắc Việt Nam mà chứng minh rằng *các loại hình như thờ thành hoàng làng, thờ thần, thánh ở người Việt là một dạng thức tôn giáo có cấu trúc mở và vẫn đang trong quá trình hoàn thiện mà tính không ổn định của nó chính là một đặc thù*. Theo ông thì đó là *những loại hình tiền tôn giáo* (trên thực tế thì chỉ có các hoạt động thực hành tôn giáo và chức năng của nó là biến động chứ đối tượng thiêng gần như không thay đổi)⁶.

Sau này, Nguyễn Quốc Tuấn trong bài viết “Nhận thức lại về các khái niệm *tín ngưỡng* và *tôn giáo* từ góc độ nghiên cứu tôn giáo”⁷ đã *đề xuất cách hiểu* về tín ngưỡng và tôn giáo. Ông cho rằng: 1) Không có sự phân biệt giữa hai khái niệm tín ngưỡng với tôn giáo, trái lại tín ngưỡng là một bộ phận cấu thành tôn giáo; 2) Các tôn giáo chỉ có khi chúng tạo thành một cộng đồng đạo đức ở những người tin theo; 3) Con người có những phương diện tinh thần cho phép nảy sinh ý thức tôn giáo, thông qua những thực thể thiêng, hiện thực siêu kinh nghiệm; 4) Tôn giáo là một thể của văn hóa, thông qua hệ thống biểu tượng mà nó đã xác lập tính chất văn hóa ấy. Từ đó, Nguyễn Quốc Tuấn đưa ra một sơ đồ về cấu tạo của tôn giáo là: *Tôn giáo = các thực thể thiêng, hiện thực siêu kinh nghiệm, siêu việt - thần thoại - tín tưởng*⁸ (cũng gọi là *tín ngưỡng*) - *thực hành* (thờ cúng, cầu khẩn, lễ thức/ nghi thức và lời khẩn) - *cộng đồng đạo đức* (giáo hội và không giáo hội). Như vậy về mặt lý luận thì tín ngưỡng dù không phân biệt với tôn giáo nhưng lại là một bộ phận cấu thành của tôn giáo (được gọi là các tín tưởng, tức là niềm tin tôn giáo). Như vậy, tín ngưỡng

hay tín tưởng vẫn cứ là một bộ phận của tôn giáo. Tuy nhiên, khi tôn giáo được nhận thức lại và mang một nội hàm mới là một “thực thể xã hội” với những chiều cạnh tiếp cận dựa trên các yếu tố *niềm tin, thực hành nghi lễ và cố kết cộng đồng*⁹ thì quan điểm về tín ngưỡng của Nguyễn Quốc Tuấn đã có nhiều thay đổi, ông thừa nhận tín ngưỡng tồn tại như một loại hình và không thể gọi bằng khái niệm tín ngưỡng, chính từ căn nguyên này mà Viện Nghiên cứu Tôn giáo có một thời gian có phòng nghiên cứu tôn giáo truyền thống.

Trong một nghiên cứu khác về hiện tượng cụ thể là thực hành nghi lễ lên đồng ở châu thổ Bắc Bộ Việt Nam, Nguyễn Ngọc Mai sau khi phân tích đặc điểm, cấu trúc *bản hội* của những người thực hành nghi lễ lên đồng, các biểu tượng về thần linh thông qua trang phục, các bản văn hầu khi thực hành nghi lễ và đặc biệt là thực hành nghi lễ với những công năng khác nhau cũng đã bày tỏ rõ quan điểm của tác giả về loại hình từng được gọi là “tín ngưỡng thờ Mẫu” này hoàn toàn có thể coi đó là một dạng *tôn giáo dân gian*¹⁰.

Như vậy, các nghiên cứu lý luận về tín ngưỡng khi bày tỏ quan điểm của mình đã có những bước tiến về nhận thức từ chỗ thừa nhận là một bộ phận của tôn giáo nhưng “tồn tại độc lập” (Đặng Nghiêm Vạn) đến “tiền tôn giáo” (Nguyễn Duy Hinh) và là một loại hình với các tên gọi “Tôn giáo truyền thống”, “Tôn giáo dân gian” (Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Ngọc Mai). Trên thực tế nếu coi tôn giáo là một thực thể xã hội thì các loại hình tôn giáo dân gian ở Việt Nam với các yếu tố: 1) *Có quá trình hình thành, tồn tại lâu dài niềm tin tôn giáo* (ở đây không bàn đến chất lượng niềm tin có sâu sắc hay không); 2) *Có các thực thể thiêng* (linh hồn, thần, thánh, Mẫu...); 3) *Có các thực hành nghi lễ* (tế, khấn lễ, lên đồng...); 4) *Có cơ sở thờ tự* (đình, đền, phủ); 5) *Có các văn bản đi kèm* (chúc văn, tấu sớ khi thực hành nghi lễ; hát văn, văn khấn)... đều đảm bảo các thuộc tính của tôn giáo theo các chiều kích: tính lịch sử, tính tập thể, tính tài liệu, tính biểu tượng và cuối cùng là tính kinh nghiệm và nhạy cảm. Tất nhiên phải thừa nhận về sự hoàn thiện, tính triết lý và hệ thống thần học hoàn hảo của các tôn giáo lớn, như: Công giáo hay Phật giáo, mà khó có một loại hình tôn giáo dân gian nào có thể sánh được. Nhưng văn hóa là sự

khác nhau, vì thế không thể lấy mẫu hình của Giáo hội Công giáo làm khuôn mẫu cho tập thể “hội đồng già làng”, hay bản hội tế thần ở Việt Nam được. Có một thực tế là vai trò của các thực thể thiêng và những thực hành nghi lễ thì đều có tác dụng và quan trọng với tín đồ như nhau. Khi các dòng học thuật theo nhiều kênh vào Việt Nam thì ảnh hưởng của các nghiên cứu nhân học thế giới cũng được nhiều nhà nhân học tôn giáo ở Việt Nam ủng hộ. Sự thay đổi về nhận thức này đã kéo theo các quan niệm khắt khe về tôn giáo dân gian đã thay đổi. Vì vậy, trong quan điểm của nhiều cá nhân nghiên cứu tôn giáo, các loại hình tín ngưỡng truyền thống đã được hiểu là các “tôn giáo truyền thống”, hoặc “tôn giáo dân gian” và là một loại hình hoàn toàn tồn tại độc lập chứ không phải là bộ phận của tôn giáo A hay B nào đó. Thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu, thờ thần thành hoàng, thờ thánh,... ở Việt Nam là những loại hình như thế.

2. Các nghiên cứu cụ thể

Nghiên cứu về thờ cúng tổ tiên

Đặng Nghiêm Vạn khi nghiên cứu một số vấn đề về lý luận và thực tiễn cũng như vai trò của tôn giáo Việt Nam trong giai đoạn từ 1992-1999¹¹ đã chỉ ra Đạo thờ tổ tiên chính là hệ thống tôn giáo của dân tộc. Tác giả nhìn nhận việc thờ cúng này theo tuyến huyết thống và lãnh thổ. Đó là sợi dây nối liền quá khứ, hiện tại và tương lai, gắn kết nhà - làng - nước tạo nên một truyền thống cốt lõi của dân tộc Việt Nam. Cùng quan điểm này, Nguyễn Quốc Tuấn cho rằng mô hình xã hội căn bản của người Việt Nam là mô hình: Nhà - Làng - Vùng - Nước, trong đó phân ra ở các cấp độ: trong nhà thì thờ cúng tổ tiên trực hệ (tùy theo tộc người mà duy trì theo hệ thống cửu tộc hay 5 đời hoặc 3 đời, trong làng thì thờ cúng thành hoàng (một tập hợp các vị thần tự nhiên đã được nhân cách hóa cho đến những người khai sơn phá thạch lập làng, các vị tổ nghề, các vị đại khoa, các võ tướng đánh giặc giữ nước), trong vùng (hay liên làng) thì thờ chung một vị thần (các vị thần làng và liên làng tùy theo công trạng mà được triều đình sắc phong cho các tước khác nhau hạ, trung, thượng đẳng thần. Trong nước thì thờ chung một vị Quốc tổ, mà vị ấy thì đã rõ là Hùng Vương)¹². Đặng Thế Đại sau khi phân tích các đặc điểm và nội dung

của thờ cúng tổ tiên đã đưa ra quan điểm về tín ngưỡng này của người Việt như sau: *Thứ nhất*, nền tảng của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên nằm ở bản chất của tín ngưỡng này. Đó là niềm tin vào linh hồn người chết và mối quan hệ vô hình mang tính hai chiều giữa những người sống và người chết. *Thứ hai*, cơ sở quan trọng cho sự tồn tại lâu dài của tín ngưỡng này là nền kinh tế tiểu nông gia đình, coi trọng kinh nghiệm, kính trọng người già và niềm tin vào sự phù hộ độ trì của tổ tiên với con cháu. *Thứ ba*, mặc dù ảnh hưởng tính mẫu mực trong nghi thức thờ cúng tổ tiên của Trung Hoa, nhưng người Việt vốn linh động nên sự tham gia cúng tế của các thành viên trong gia đình/ gia tộc tương đối bình đẳng không cứng nhắc lệ thuộc hoàn toàn vào gia trưởng/tộc trưởng như người Trung Hoa. *Thứ tư*, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt tương đối đồng nhất, sự khác biệt giữa các vùng miền là không nhiều. *Thứ năm*, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trở thành một trong các sức mạnh cội nguồn quan trọng. Đặc biệt tín ngưỡng này có ảnh hưởng sâu sắc tới các tôn giáo khác. Thờ cúng tổ tiên là vấn đề chủ yếu nhất mà mọi tôn giáo nội sinh (Cao Đài, Tứ Ân Hiếu Nghĩa,...) hay ngoại sinh (Phật giáo, Công giáo, Tin Lành,...) đều phải tìm cách đối mặt và dung hòa vì nó là phần quan trọng của bản sắc văn hóa Việt Nam.

Nghiên cứu về thờ thần, thánh

Khác với các loại hình tôn giáo khác, tôn giáo dân gian ở Việt Nam luôn gắn liền với các lễ hội làng, lễ hội vùng miền, ở đó thần và nghi lễ thờ thần giống như những hạt nhân nuôi dưỡng và làm phát sinh hệ thống trò vui trong hội làng. Từ đó, có nhiều tác giả đã nghiên cứu về tôn giáo dân gian thông qua lễ hội làng mà Lê Trung Vũ là một điển hình. Cuốn sách *Lễ hội Thăng Long Hà Nội*¹³, *Sáu mươi lễ hội truyền thống Việt Nam*¹⁴ tập hợp các bài giới thiệu ngắn gọn các lễ hội ở Thăng Long - Hà Nội và sáu mươi lễ hội trong cả nước của người Việt và một số tộc người thiểu số khác. Đối với mỗi lễ hội, tác giả lại dành phần giới thiệu thông tin chung: đối tượng thờ phụng, địa điểm, thời gian, đặc điểm cơ bản của lễ hội, sau đó mới đi vào mô tả lai lịch hành trạng của các thần, quá trình xây dựng và trùng tu cơ sở thờ tự, nghi thức lễ và các trò chơi dân gian.

Mặc dù tác giả đã chỉ ra, lễ hội/ hội làng có tính quần thể, hoành tráng, tính biểu dương và hiệu triệu với chức năng phản ánh và bảo lưu truyền thống, chức năng tuyên truyền và giáo dục, chức năng hưởng thụ và giải trí. Nhưng, lễ hội/ hội làng mới chỉ được nhìn nhận từ góc độ văn hóa học, mà chưa phân tích lễ hội với tính chất là một nghi lễ tôn giáo truyền thống ở địa phương với chủ thể là những người dân ở địa phương ấy. Vì thế, lễ hội chỉ được nhìn như là một phong tục, một sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng làng xã xuất hiện từ xa xưa mà không thấy được vai trò, sự biến động của niềm tin tôn giáo và thực hành tôn giáo qua lễ hội/ hội làng.

Nghiên cứu về thờ thần thành hoàng làng

Diễn hình của nghiên cứu theo hướng này là công trình *Tín ngưỡng thành hoàng làng Việt Nam* của Nguyễn Duy Hinh. Trên cơ sở các tư liệu Hán Nôm (kết quả cuộc điều tra, sưu tầm về Thành hoàng do Trường Viễn Đông Bác Cổ tiến hành được lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm) cùng hệ thống các thư tịch khác, như: Lĩnh Nam chích quái, Việt điện u linh, Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Nam nhất thống chí, Bách thần lục, Thần tích Bắc Ninh,... cùng với các tư liệu dồi dào của nhiều năm điều tra điền dã, Nguyễn Duy Hinh đã khái quát tín ngưỡng thành hoàng ở Việt Nam từ nguồn gốc, thần điện, cho tới bản chất của tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam. Đây là một nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về tín ngưỡng thành hoàng ở Việt Nam từ trước tới nay. Đóng góp quan trọng của nghiên cứu này là chỉ ra bản chất thành hoàng làng Việt Nam là hoàn toàn khác thành hoàng Trung Quốc. Theo ông, “Niên đại ra đời thành hoàng làng khó xác định cụ thể. Chỉ có thể khẳng định đó là thời điểm hình thành các công xã nông thôn gắn liền với việc khai phá đồng bằng lập ấp. Quá trình đó bắt đầu khoảng thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên”¹⁵. Về tên gọi “thành hoàng”, ông dựa trên mối quan hệ Nho giáo với làng để phân tích làm sáng tỏ vấn đề tên gọi thành hoàng: nhà nước phong thần cho các thần trong làng ở các địa phương, thành hoàng làng trở thành vị thần đứng đầu trong hệ thống bách thần tại mỗi làng. “Thành hoàng làng trở thành quan chức triều đình, một đại vương thay mặt vua trấn giữ địa phương

được phân phong đúng như chế độ phân phong công thần của chế độ phong kiến. Khác chẳng là thành hoàng cai quản phần hồn dân làng trong khi lý trưởng cai quản phần xác dân làng”¹⁶.

Đối với thần điện của thành hoàng làng, dựa trên các dẫn chứng lịch sử ông cho rằng thần điện của thành hoàng làng là kết quả của sự dịch chuyển chức năng từ đình trạm (nơi nghỉ chân) thành đình làng (nơi thờ cúng và công sở). Về bản chất: “Tín ngưỡng thành hoàng có thần điện mở không có Đấng Tối Cao, có nội hàm tư tưởng Kính và Sợ nhằm mục đích Cầu An cho hiện thế không đạt đến lý luận về thế giới bên kia, có một số nghi thức thực hiện Hèm nhưng không dừng ở đó mà đã tiếp thu hệ thống nghi thức phong kiến, có một tổ chức tín ngưỡng (cộng đồng tôn giáo) đồng nhất với tổ chức xã hội nhưng đã tiếp thu hệ thống tổ chức xã hội phong kiến khác với tổ chức tín ngưỡng tuy vẫn chấp nhận một phần nào chế độ dụng xỉ truyền thống. Tín ngưỡng thành hoàng đã vượt qua phạm trù tôn giáo nguyên thủy mà không phát triển thành tôn giáo nhân tạo, vì vậy mệnh danh là hiện tượng “tiền tôn giáo”. Trong kết luận này, có thể thấy được hạn chế của tác giả khi phân tích tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam đó là quan điểm phân biệt tín ngưỡng và tôn giáo. Coi tín ngưỡng là *Tiền Tôn giáo*, là hiện tượng thấp hơn của tôn giáo. Đây cũng là quan điểm xuyên suốt của ông trong các nghiên cứu về tôn giáo dân gian của mình.

Tiếp tục hướng nghiên cứu này, Đặng Thế Đại qua nghiên cứu trường hợp Thành hoàng làng Tả Thanh Oai (dựa trên dữ liệu về: Thần tích thành hoàng – Đình thờ thành hoàng – Hội làng) đã tiến hành xử lý, phân tích và khái quát nên một số vấn đề về tín ngưỡng thành hoàng trong đời sống cộng đồng làng Việt nói chung, thể hiện: *Về đặc trưng*, tín ngưỡng thành hoàng với ngôi đình làng là “đại biểu cho tính toàn thể, tính thống nhất, tính cộng đồng đặc trưng cho làng”¹⁷; *Về sự hình thành*, thần thành hoàng là một loại hình tín ngưỡng đặc thù của nông thôn Việt, được hình thành “trong điều kiện làng Việt tiếp thu Nho giáo, là sản phẩm của sự dung hòa giữa tín ngưỡng bản địa với Nho giáo, giữa sự tự quản của các cộng đồng làng với sự thống nhất của quốc gia”¹⁸; *Về bản chất*, dù có sự dung hòa với Nho giáo (do sự

thắng thế của Nho giáo trong ý thức hệ phong kiến thống trị), nhưng thực chất của tín ngưỡng thành hoàng chính là “sự tiếp tục tín ngưỡng bản địa thờ thần làng – thần bảo hộ cộng đồng làng”¹⁹.

Tóm lại, tín ngưỡng thành hoàng làng Việt qua nghiên cứu của Đặng Thế Đại được tập trung xoay quanh biểu hiện hai mặt: tự quản làng xã và thống nhất quốc gia trong cùng một thiết chế xã hội là làng Việt. Trong bài viết “Tính chất hai mặt của tín ngưỡng thành hoàng làng”, Đặng Thế Đại đã chỉ ra sự tồn tại thống nhất giữa yếu tố làng và yếu tố nước trong tín ngưỡng thành hoàng. Biểu hiện của tính chất này ở các mặt: ở hình ảnh vị thành hoàng làng, ở ngôi đình làng và ở lễ hội làng. Về bản chất, sự thống nhất này xuất phát từ nhu cầu nội tại của xã hội Việt Nam: sự thích ứng của làng (văn hóa, tín ngưỡng, thiết chế) với nước trong bước phát triển cao của nhà nước phong kiến. Đây chính là kết quả của cuộc “thương thảo vị thế quyền lực” giữa địa phương và nhà nước trong bối cảnh lịch sử yêu cầu.

Nghiên cứu về thờ Mẫu và thực hành nghi lễ lên đồng thờ thánh

Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này là Nguyễn Ngọc Mai với *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị* (2013; 2017). Công trình đã chỉ ra được quá trình hình thành, những thay đổi trong thực hành nghi lễ lên đồng thờ Thánh/Thánh mẫu của vùng châu thổ Bắc bộ Việt Nam qua các giai đoạn khác nhau. Bằng cách tiếp cận liên ngành và sử dụng các phương pháp luận phù hợp có sự soi dọi các lý thuyết nghiên cứu là phân tâm học, tâm lý học tôn giáo, tâm lý bệnh học, mạng lưới xã hội và vốn xã hội, chủ thể văn hóa, công trình không chỉ là tài liệu nhân học có giá trị về lịch sử phát triển và thực hành nghi lễ lên đồng mà còn chỉ ra được chức năng cơ bản của cộng đồng bản hội của những thanh đồng và vai trò của bản hội đó trong việc tạo ra những liên kết bền chặt của cộng đồng những tín đồ thờ Thánh, những tác dụng tích cực của bản hội đối với cuộc sống sinh kế và đời sống tinh thần con người với tư cách nhóm xã hội đặc thù. Đi sâu tìm hiểu những khách thể nghiên cứu có căn tính đặc biệt, người có bệnh lý, giới thứ ba... là những thanh đồng, công trình cũng đã chỉ ra được công năng của nghi lễ lên đồng xưa và thực hành nghi lễ lên đồng ngày nay với những tác dụng tích cực của nó trong

điều trị tâm, sinh lý lệch chuẩn cũng như vai trò của thực hành lên đồng và sự tương hỗ giữa các thành viên trong bản hội đối với việc củng cố niềm tin tôn giáo. Các lớp ý nghĩa và vai trò của nghi lễ đặc biệt này cũng được quan tâm làm rõ trên các phương diện y học, văn hóa, xã hội và tôn giáo.

Nghiên cứu về tôn giáo dân gian ở khu vực miền núi phía Bắc cũng được Vương Duy Quang quan tâm lý giải trong công trình “Văn hóa, Tôn giáo của người Mông ở Hà Giang”. Với tính chất là công trình khảo tả dân tộc học, Vương Duy Quang cũng đã cung cấp khá nhiều các thông tin về tôn giáo của người Mông ở Hà Giang. Tiếp theo hướng nghiên cứu này năm 2014, qua một nghiên cứu cấp Bộ, Nguyễn Ngọc Mai và Nguyễn Bình (2014) đã nghiên cứu, tìm hiểu, so sánh với các tài liệu đã có, dựa trên các hồi ức của các thầy mo tộc người, hai tác giả đã cung cấp tương đối các thông tin về *biến đổi tôn giáo truyền thống của các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc* trong đó những biến đổi về niềm tin, thực hành nghi lễ trong một số loại hình tôn giáo dân gian của một số tộc người thiểu số miền núi phía Bắc đã được quan tâm, làm rõ.

Các căn cứ lý luận, thực tiễn về sự hình thành và chất lượng niềm tin tôn giáo và thực trạng những thực hành thờ thần, thánh của người dân ở châu thổ Bắc Bộ cũng là một nghiên cứu khác do Nguyễn Ngọc Mai tiến hành và hoàn tất năm 2016. Bên cạnh đó những nghiên cứu lồng ghép khác về “giá trị cơ bản của tôn giáo dân gian” trên các khía cạnh đạo đức, luân lý; giáo dục; thẩm mỹ và vai trò của nó đối với đời sống tinh thần của con người Việt Nam cũng được tiến hành và làm rõ trong công trình *Phát huy giá trị của tôn giáo trong xây dựng đạo đức và lối sống của người Việt Nam* do Nguyễn Quốc Tuấn làm chủ nhiệm cùng với tập thể các nhà nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tham gia. Đề tài có quy mô cấp nhà nước đã được tiến hành từ năm 2014 và hoàn tất năm 2016.

Ngoài ra, các khía cạnh khác như “tác động của biến đổi tôn giáo dân gian đến biến đổi và tái cấu trúc văn hóa truyền thống ở Tây Nguyên” cũng được quan tâm chú ý²⁰ (xem: Nguyễn Ngọc Mai, 2015). Đặc biệt nằm trong hệ đề tài cấp Bộ nghiên cứu “biến đổi tôn

giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam” thì một lần nữa “Biến đổi của tôn giáo dân gian trong chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam”²¹ lại được đặt ra và phân tích tác động của biến đổi tôn giáo dân gian đến chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam trên các khía cạnh an ninh tinh thần; kinh tế, văn hóa; sử dụng quỹ thời gian cũng như định hướng sống của nhiều nhóm dân cư.

Song song với những nghiên cứu về tôn giáo dân gian ở người Việt và các tộc người thiểu số ở phía Bắc Việt Nam thì những nghiên cứu đúc rút về quá trình hình thành, ý nghĩa xã hội và giá trị nhân văn của hệ thống kinh bản của một số tôn giáo nội sinh, như: Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo cũng đã và đang được nghiên cứu, khai thác ở khía cạnh văn hóa của Đặng Thế Đại (2017). Gần đây nhất trong một nghiên cứu cấp Bộ, Nguyễn Ngọc Mai và cộng sự cũng đã khảo sát lại và làm rõ giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, và vai trò chính trị của ba tôn giáo nội sinh gồm Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn. Công trình không chỉ tập hợp và hệ thống lại lịch sử hình thành, các giáo lý, giáo luật và tổ chức hiện thời của ba tôn giáo mà với một cách nhìn mới, nghiên cứu đã cho thấy hai điểm nổi bật của các tôn giáo nội sinh, đó là sứ mệnh của nó những ngày đầu thành lập và thành tựu thiết lập nên vành đai văn hóa của người Việt ở vùng biên giới Tây Nam của Tổ quốc. Chỉ với hai thành tựu này đã cho thấy sự đóng góp lớn lao của các tôn giáo nội sinh đối với miền Nam nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung.

Việc tìm hiểu lại các điển chương về tế tự và quy định của triều Nguyễn đối với tôn giáo dân gian cũng đã được Vũ Thanh Bằng tập hợp và phân tích tương đối sắc nét trong một số nghiên cứu ở quy mô cấp Viện trong các năm 2015, 2016, 2017. Công trình không chỉ có ý nghĩa về mặt văn bản học mà còn rất hữu ích cho các nghiên cứu điển chương của các triều đại quân chủ đồng thời là cơ sở để thiết kế những chính sách cho thực hành tín ngưỡng hiện nay và sau này.

3. Một số nhận xét đánh giá chung

Những nghiên cứu về tôn giáo dân gian của Viện Nghiên cứu Tôn giáo trong 30 năm qua đầu chưa nhiều, song về cơ bản đã thiết lập được những nền tảng căn bản cả về lý luận và thực tiễn, bước đầu đã

định vị được vị trí, vai trò của tôn giáo dân gian trong đời sống tâm linh, đời sống văn hóa của cộng đồng và đời sống tinh thần của cá nhân người Việt Nam phía Bắc. Làm rõ được nội hàm của tôn giáo dân gian và đưa ra những cách tiếp cận phù hợp. Trong đó có nhiều nghiên cứu có giá trị khi chỉ ra bản chất của một số loại hình tôn giáo dân gian này, như: thờ thành hoàng làng, lên đồng thờ thánh ở châu thổ Bắc Bộ, những đóng góp của tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ. Tuy vậy, các nghiên cứu về tôn giáo dân gian của Viện Nghiên cứu Tôn giáo nói chung vẫn chưa bao phủ hết một cách sâu sắc các loại hình tôn giáo dân gian trên đất Việt Nam, đặc biệt là vùng miền núi phía Bắc, khu vực miền Trung và Nam Bộ. Điều này đặt ra và đòi hỏi các thế hệ nghiên cứu tôn giáo dân gian của Viện Nghiên cứu Tôn giáo ngày nay và mai sau vẫn phải tiếp tục nỗ lực quan tâm giải quyết để tìm ra bản chất, mối liên hệ của nó đối với tôn giáo dân gian người Việt phía Bắc; vị trí, vai trò và chức năng của tôn giáo dân gian các khu vực này đối với đời sống cá nhân, cộng đồng các dân cư tại chỗ, các biến đổi cơ bản về chức năng, vai trò của nó trong điều kiện tình hình xã hội hiện đại ngày nay...

Chất lượng các công trình nghiên cứu về tôn giáo dân gian hiện nay vẫn chưa đồng đều và còn khá nhiều phân tán, một phần vì lực lượng nghiên cứu còn mỏng, lại thiếu nguồn lực và sự đầu tư dài hạn với những chiến lược dài hơi, vì vậy còn nhiều khoảng trống của tôn giáo dân gian chưa được quan tâm nghiên cứu đủ và đúng với sự đa dạng của nó trên thực tiễn.

Các công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế vẫn còn khá hiếm hoi và gần như chưa có công bố nào mặc dù các công bố về kết quả nghiên cứu về tôn giáo dân gian trên các tạp chí chuyên ngành trong nước khá nhiều và đều có chất lượng tốt, nhiều tài liệu ấn hành đã được sự đón nhận của dư luận xã hội. Điều này cũng đặt ra vấn đề về khả năng ngoại ngữ, tầm nhìn và sứ mệnh của các nhà nghiên cứu trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo cũng như chiến lược để đạt được tầm nhìn và sứ mệnh của Viện trong việc phổ biến tri thức cũng như những thành tựu nghiên cứu về tôn giáo dân gian Việt Nam ra khu vực và thế giới.

Trong khi các nghiên cứu về tôn giáo trên thế giới đã vượt xa chúng ta về nhiều phương diện cả về phương pháp luận, cách tiếp cận, để đi tìm / lý giải về vai trò, chức năng của tôn giáo đối với *sự hài lòng với cuộc sống* (HLS) hay *trạng thái hạnh phúc* (Well – being) với cuộc sống của con người²² thì nghiên cứu tôn giáo dân gian ở Việt Nam vẫn loanh quanh với nghiên cứu cơ bản và những tranh luận về khái niệm “tôn giáo” hay “tín ngưỡng” đối với loại hình này. Đây cũng là một trong những lý do khiến các kết quả nghiên cứu của Việt Nam khó gia nhập “thị trường” học thuật thế giới. Thiết nghĩ, việc tranh luận hay đòi hỏi đặt ra một khái niệm mới cho tôn giáo dân gian ở Việt Nam cũng nên dừng lại và điều quan trọng là chúng ta thống nhất chấp nhận nó (tôn giáo dân gian) là một loại hình tôn giáo và sử dụng khái niệm để có thể thế giới hóa bằng ngôn ngữ quốc tế. Điều này sẽ tránh được những hao tổn trong nghiên cứu khi cứ phải đi lục lại / dẫn lại các quan điểm mà thế giới đã bỏ xa hàng vài chục năm. Tôn giáo tự thân nó cũng là văn hóa và cũng là hiện tượng tâm lý, thậm chí siêu tâm lý, vì vậy nghiên cứu tôn giáo dân gian nói riêng, tôn giáo nói chung không nhất thiết chỉ phải sử dụng một hay hai cách tiếp cận nhất định. Các cách tiếp cận khác nhau sẽ mang lại các lý giải và kết quả khác nhau và điều đó cũng có nghĩa là khai thác và minh định nhiều giá trị, vai trò khác nhau của tôn giáo, đó cũng là xu hướng nghiên cứu hiện đại trên thế giới ngày nay. Với quan điểm này thì cách tiếp cận nào cũng đều đáng được tôn trọng và ghi nhận cũng như hạn chế bớt các rào cản cho các nhà nghiên cứu trẻ có thể thao tác nghiên cứu trên nhiều cách tiếp cận mới mẻ nhằm tìm ra những công năng hữu dụng nhất của tôn giáo phục vụ cho con người và phát triển.

Đã có bước tiến về phương pháp nghiên cứu và tính kế thừa khá nghiêm túc các công trình của học giả đi trước qua các kết quả nghiên cứu về tôn giáo dân gian của Viện Nghiên cứu Tôn giáo hiện nay. Các cách tiếp cận đa ngành, liên ngành đều được quan tâm và thao tác tốt. Nhiều nghiên cứu có áp dụng phương pháp luận trong phân tích và lý giải hiện tượng tôn giáo; giảm bớt nghiên cứu mô tả, chú ý vào bóc tách bản chất, tìm hiểu chức năng và công năng của tôn giáo dân gian đã và đang khiến cho nhiều công trình nghiên cứu về tôn giáo dân gian đạt được những giá trị đích thực được trong giới quan tâm chú ý

và hoan nghênh. Tuy nhiên, đây là hướng nghiên cứu mới và khó vì vậy đội ngũ cán bộ trẻ gặp không ít khó khăn khi thao tác và làm chủ được, vì vậy vẫn chưa phổ biến trong các kết quả nghiên cứu mới của các nhà nghiên cứu trẻ.

Đặc biệt khi nghiên cứu tôn giáo dân gian ở Việt Nam thì Background về văn hóa, về Hán nôm cũng là những lợi thế rất lớn cho nhà nghiên cứu tôn giáo dân gian, nhưng để có thể sử dụng những nền tảng, công cụ này vào nghiên cứu tôn giáo dân gian thì lại đòi hỏi thời gian, kinh nghiệm và khả năng làm chủ tư liệu, và cả tố chất của người làm nghiên cứu nữa vì thế các nhà nghiên cứu trẻ mới vào nghề sẽ rất khó khăn khi lập luận và thao tác minh bạch các vấn đề mình định nghiên cứu và thể hiện. Trong khi đó thì sự thay đổi nhu cầu của cuộc sống, đời sống vật chất, sở thích, các cơ hội... của xã hội ngày nay đã thay đổi rất nhiều so với 30 năm về trước, điều này cũng đặt ra những thách thức với người làm nghiên cứu và nghề làm nghiên cứu. Đặc biệt khi xã hội còn đầy biến động, lý tưởng thiếu điểm tựa để xác định và tạo nền tảng; vấn đề tôn giáo vẫn còn là khá nhạy cảm ở Việt Nam, thu nhập từ nghiên cứu còn khá eo hẹp so với các ngành nghề khác, thể hệ nghiên cứu trẻ ngày nay lại bị chi phối bởi nhiều mối lo kinh tế, gia đình, thăng tiến,... vì vậy tạo ra không ít trở ngại cho ngành nghiên cứu tôn giáo nói chung và tôn giáo dân gian nói riêng.

Kết luận

Việt Nam là một đất nước đa dân tộc, đa tôn giáo. Bên cạnh các tổ chức tôn giáo lớn đã được nhà nước công nhận còn có những tôn giáo dân gian gắn với truyền thống hồn linh giáo. Có thể nói, tâm thức đa / phiếm thần (Đặng Nghiêm Vạn) của người dân Việt Nam đã hình thành nên một truyền thống sinh hoạt tôn giáo đa dạng. Bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào người ta cũng có thể quan sát thấy, nhận diện ra, cảm nhận được các hành vi tôn giáo, cũng như cả thế giới thiêng mênh mông trong tâm tưởng của họ. Với những thành tựu đã đạt được và những vấn đề đã đặt ra ở trên cho thấy nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam nói chung, nghiên cứu tôn giáo dân gian nói riêng là một nghề, nghiệp không dễ. Để có thể thành công, thành nhân và có những công trình khoa học mang dấu ấn cá nhân đòi hỏi người làm công tác

nghiên cứu tôn giáo dân gian không chỉ phải có tính khách quan, có bản lĩnh, dám dấn thân, có khả năng suy xét để minh định các vấn đề nghiên cứu, mà còn cần cả năng lực làm chủ hệ thống các công cụ và thuần thục các phương pháp nghiên cứu cũng như có một môi trường nghiên cứu tốt, ở đó mọi chính kiến đều được bày tỏ, ủng hộ và tôn trọng với một chiến lược đầu tư nghiên cứu dài hơi và cả những nhà khoa học đầu đàn (theo đúng nghĩa) dẫn dắt nữa./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 2 Đặng Nghiêm Vạn (2007), *Tôn giáo hay tín ngưỡng*, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 3-13.
- 3 Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 4 Nguyễn Duy Hình (2003), *Thần và quỷ*, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 21-29.
- 5 Nguyễn Duy Hình (2005), *Phàm và thiêng*, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 11-18.
- 6 Xem: Nguyễn Ngọc Mai (2016), *Niềm tin và thực hành tôn giáo - nghiên cứu trường hợp thờ thần, thánh ở Bắc Bộ*, Đề tài cấp Bộ lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 7 Nguyễn Quốc Tuấn (2013), Nhận thức lại về các khái niệm “tín ngưỡng” và “tôn giáo” từ góc độ nghiên cứu tôn giáo, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8, tr. 9.
- 8 Nguyễn Quốc Tuấn trong bài viết *Về mối quan hệ giữa văn hóa dân tộc và tôn giáo ngoại sinh*, trong Bộ Văn hóa Thông tin (1999), *Tín ngưỡng – Mê tín*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, đã chủ trương dùng từ “tín tưởng” thay cho “tín ngưỡng”: “riêng chúng tôi, thuật ngữ được dùng trong trường hợp phân tích của mình lại là *tín tưởng* mang tính tôn giáo mà không là tín ngưỡng. Thuật ngữ tín ngưỡng được chúng tôi coi là xác đáng hơn khi nói về tôn giáo” (tr. 133).
- 9 Xem: Nguyễn Quốc Tuấn (2014), Tiếp cận hệ thống về thực thể tôn giáo, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3 (129).
- 10 Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội, tr. 27.
- 11 Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 2005), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 12 Nguyễn Quốc Tuấn (2011), Bàn thêm về tín ngưỡng tôn giáo bản địa Việt Nam qua sự kiện ngày quốc lễ Giỗ tổ Hùng Vương, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, tr. 3, 15.

- 13 Lê Trung Vũ (chủ biên, 2001), *Lễ hội Thăng Long Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.
- 14 Thạch Phương, Lê Trung Vũ (1995), *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 15 Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Sđd, tr. 374.
- 16 Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Sđd, tr. 375.
- 17 Đặng Thế Đại (2001), *Tính chất hai mặt của tín ngưỡng Thành hoàng làng*, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 02, tr. 27.
- 18 Đặng Thế Đại (2001), *Tính chất hai mặt...*, Bđd, tr. 29.
- 19 Đặng Thế Đại (2001), *Tính chất hai mặt...*, Bđd, tr. 29.
- 20 Xem: Nguyễn Ngọc Mai (2015), Tác động của tôn giáo đối với biến đổi và tái cấu trúc văn hóa truyền thống ở Tây Nguyên, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6.
- 21 Công trình đã được xuất bản bởi Nhà xuất bản Khoa học xã hội tháng 7/2021.
- 22 Xem thêm “Religion, Social network, and Life Satisfaction” của Chaeyoon Lim and Robert D. Putnam, *American Sociological Review*, December 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thế Đại (2001), “Tính chất hai mặt của tín ngưỡng thành hoàng làng”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 02.
2. Đặng Thế Đại (2017), “Mấy nét đặc sắc của tín ngưỡng dân gian Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10.
3. Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Hình (2003), “Thần và quỷ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
5. Nguyễn Duy Hình (2005), “Phàm và thiêng”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
6. Nguyễn Ngọc Mai (2015), “Tác động của tôn giáo đối với biến đổi và tái cấu trúc văn hóa truyền thống ở Tây Nguyên”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6.
7. Nguyễn Ngọc Mai (2016), *Niềm tin và thực hành tôn giáo - nghiên cứu trường hợp thờ thần, thánh ở Bắc Bộ*, Đề tài cấp Bộ lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
8. Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội.
9. Thạch Phương, Lê Trung Vũ (1995), *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Nguyễn Quốc Tuấn (2011), “Bàn thêm về tín ngưỡng tôn giáo bản địa Việt Nam qua sự kiện ngày quốc lễ Giỗ tổ Hùng Vương”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.

11. Nguyễn Quốc Tuấn (2014), “Tiếp cận hệ thống về thực thể tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3 (129).
12. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 2005), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Lê Trung Vũ (chủ biên, 2001), *Lễ hội Thăng Long Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.

Abstract

RESEARCH ON BELIEFS OF THE INSTITUTE FOR RELIGIOUS STUDIES OVER 30 YEARS (1991-2021)

Nguyen Ngoc Mai

Institute for Religious Studies, VASS

In a constant effort, cultural studies in general and religious studies, in particular, have had many achievements and undeniable imprints on both theoretical and practical research, even in terms of documentation. Research on beliefs of the Institute for Religious Studies over the past 30 years has also achieved some specific achievements. The article summarizes the results of research on beliefs of the Institute for Religious Studies since its establishment to the present.

Keywords: Achievements; beliefs; Institute for Religious Studies.